

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH D**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 214/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 12/07/2021

V/v “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B - TỈNH D

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan– CB hưu trí.

Ông Nguyễn Thái Hòa – CB hưu trí.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thành Thị Thu Trang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh D.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, tỉnh D tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh D xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 540/2021/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 200/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/06/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 52B/86, Khu phố 7, phường Hồ Nai, thành phố B, tỉnh D.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: 526/1, tổ 28, Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh D.

Địa chỉ liên lạc: ấp Bàu Sắn, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh D.

(Bà K và ông D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị Minh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh D và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/10/2012; có tổ chức đám cưới, hôn nhân

tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà chuyển về sinh sống cùng với gia đình chồng tại địa chỉ thường trú của chồng thuộc phường Long Bình Tân. Tuy nhiên, từ cuối năm 2012, sau khi sinh con, giữa bà và gia đình chồng cũng như chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bên cạnh đó ông D lại thường xuyên nhậu nhẹt, đi sớm về khuya, ít quan tâm đến vợ con, cờ bạc và cá độ dẫn đến nợ nần và có hành vi bạo lực với bà. Năm 2019, do không chịu được áp lực cuộc sống nên bà đã chuyển ra ngoài sinh sống cùng con. Hiện nay hai vợ chồng cũng đã ly thân hơn 1 năm rưỡi. Nhận thấy, hiện nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà đã cho ông D rất nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng bất thành, do đó tình cảm vợ chồng nhạt dần và đến nay cũng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau.

Về con chung: Trong quá trình chung sống bà và ông Nguyễn Văn D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 31/12/2012. Sau ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung vì cháu V bị hạn chế nhận thức do mắc bệnh bẩm sinh từ nhỏ, bà là người trực tiếp theo dõi bệnh tình, tập vật lý trị liệu để cải thiện bệnh tật cho cháu V từ trước đến nay.

Về tài sản chung và nợ chung: Chúng tôi không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai bị đơn ông Nguyễn Văn D trình bày:*

+ Về quan hệ hôn nhân: Ông đồng ý với lời khai của bà K về quá trình cả hai quen biết, tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau. Ông thừa nhận trong quá trình chung sống cả hai vợ chồng cũng hay xảy ra mâu thuẫn vì không có tiếng nói chung. Năm 2019 thì bà K đã đưa con ra ngoài sống riêng và vợ chồng ly thân cho đến nay. Hiện nay, bà K muốn ly hôn thì ông đồng ý.

+ Về con chung: 01 người con chung là cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 31/12/2012. Sau khi ly hôn, ông đồng ý để bà K tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V, đồng thời ông cấp dưỡng 2.000.000đ/1 tháng theo như nguyện vọng ban đầu của bà K.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân Thành phố B:**

- Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh K đối với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình V cho bà K được trực tiếp chăm sóc và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của ông D về việc cấp dưỡng cho cháu Nguyễn Đình V 2.000.000đ/1 tháng.

- Về tài sản chung, nợ chung: Cả hai xác định không có tài sản chung cũng như nợ chung nên không đặt ra xem xét giải quyết.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị Minh K phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Minh K nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985. Ông D có hộ khẩu thường trú tại: 526/1, tổ 28, Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ. Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông D và bà Nguyễn Thị Minh K cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình đồng thời sau đó có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà K và ông D.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Theo bà Nguyễn Thị Minh K trình bày thì bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/10/2012; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà chuyển về sinh sống cùng với gia đình chồng tại địa chỉ thường trú của chồng thuộc phường Long Bình Tân. Tuy nhiên, từ cuối năm 2012, sau khi sinh con, giữa bà và gia đình chồng cũng như chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bên cạnh đó ông D lại thường xuyên nhậu nhẹt, đi sớm về khuya, ít quan tâm đến vợ con, cờ bạc và cá độ dẫn đến nợ nần và có hành vi bạo lực với bà. Năm 2019, do không chịu được áp lực cuộc sống nên bà đã chuyển ra ngoài sinh sống cùng con. Hiện nay hai vợ chồng cũng đã ly thân hơn 1 năm rưỡi. Nhận thấy, hiện nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà đã cho ông D rất nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng bất thành, do đó tình cảm vợ chồng nhạt dần và đến nay cũng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau. Những lời trình bày này của bà K được ông D thừa nhận và xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân với nhau đồng thời ông cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà K. Do đó, xét thấy yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Minh K là có căn cứ để chấp nhận.

[3]. Về con chung: Trong quá trình chung sống bà K và ông Nguyễn Văn D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 31/12/2012. Sau ly hôn bà K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung vì cháu V bị hạn chế nhận thức do mắc bệnh bại não từ nhỏ, bà là người trực tiếp theo dõi bệnh tình, tập vật lý trị liệu để cải thiện bệnh tật cho cháu V từ trước đến nay. Đối với yêu cầu nuôi con của bà K

được ông D chấp nhận, đồng thời ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng theo như nguyện vọng ban đầu trong đơn khởi kiện của bà K. Do các bên đã thống nhất được vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

[4]. Về tài sản chung và nợ chung: Cả hai đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Thị Minh K phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh K. Bà Nguyễn Thị Minh K được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 31/12/2012 cho bà Nguyễn Thị Minh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng. Vì quyền lợi của con, ông D có quyền thăm non, chăm sóc con mà bà K không có quyền được cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng nuôi con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh K phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000326 ngày 10/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng bên thi hành án phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ TẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND TP.B;
- THA dân sự ;
- Đương sự;
- UBND xã (phường);
- Lưu.

Đồng Thị Hồng

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ phút ngày 12/7/2021,

Tại: Trụ sở Tòa án nhân dân TP. B, tỉnh Đ

Với hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đồng Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Nguyễn Thái Hòa

Tiến hành nghị án vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 540/2021/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 03 năm 2021, về việc “Tranh chấp ly hôn” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Minh K, sinh năm 1981.

Địa chỉ: 52B/86, Khu phố 7, phường Hồ Nai, thành phố B, tỉnh Đ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985.

Hộ khẩu thường trú: 526/1, tổ 28, Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đ.

Địa chỉ liên lạc: ấp Bàu Sắn, xã Phước Thiện, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đ.

(Bà K và ông D có đơn xin vắng mặt)

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

Về tố tụng:

- Ý kiến của Hội thẩm Loan:

Bà Nguyễn Thị Minh K nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn D, sinh năm 1985. Ông D có hộ khẩu thường trú tại: 526/1, tổ 28, Khu phố 3, phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đ. Do đó, căn cứ vào các Điều 28, Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ. Qua nhiều lần tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng ông D và bà Nguyễn Thị Minh K cung cấp ý kiến, tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình đồng thời sau đó có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ vào Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bà K và ông D.

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Loan.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quan hệ hôn nhân:

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: Theo bà Nguyễn Thị Minh K trình bày thì bà và ông Nguyễn Văn D tự nguyện tìm hiểu và đi đăng ký kết hôn tại UBND phường Long Bình Tân, thành phố B, tỉnh Đ và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 04/10/2012; có tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện. Sau khi kết hôn, bà chuyển về sinh sống cùng với gia đình chồng tại địa chỉ thường trú của chồng thuộc phường Long Bình Tân. Tuy nhiên, từ cuối năm 2012, sau khi sinh con, giữa bà và gia đình chồng cũng như chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bên cạnh đó ông D lại thường xuyên nhậu nhẹt, đi sớm về khuya, ít quan tâm đến vợ con, cờ bạc và cá độ dẫn đến nợ nần và có hành vi bạo lực với bà. Năm 2019, do không chịu được áp lực cuộc sống nên bà đã chuyển ra ngoài sinh sống cùng con. Hiện nay hai vợ chồng cũng đã ly thân hơn 1 năm rưỡi. Nhận thấy, hiện nay cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, bà đã cho ông D rất nhiều cơ hội để sửa đổi nhưng bất thành, do đó tình cảm vợ chồng nhạt dần và đến nay cũng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông D để trả tự do cho nhau. Những lời trình bày này của bà K được ông D thừa nhận và xác định hai vợ chồng có mâu thuẫn, hiện đã sống ly thân với nhau đồng thời ông cũng đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà K. Do đó, xét nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà K.

- Ý kiến của Hội thẩm Loan: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hòa.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về con chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Loan: Trong quá trình chung sống bà K và ông Nguyễn Văn D có 01 người con chung là cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 31/12/2012. Sau ly hôn bà K yêu cầu được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu V, không yêu cầu ông D phải cấp dưỡng nuôi con chung vì cháu V bị hạn chế nhận thức do mắc bệnh bại não từ nhỏ, bà là người trực tiếp theo dõi bệnh tình, tập vật lý trị liệu để cải thiện bệnh tật cho cháu V từ trước đến nay. Đối với yêu cầu nuôi con của bà K được ông D chấp nhận, đồng thời ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng theo như nguyện vọng ban đầu trong đơn khởi

kiện của bà K. Thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Do các bên đã thống nhất được vấn đề con chung và cấp dưỡng nuôi con chung nên Tòa án ghi nhận.

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Loan.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về tài sản chung và nợ chung:

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: Các bên đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

- Ý kiến của Hội thẩm Loan: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hòa.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về án phí:

- Ý kiến của Hội thẩm Loan: bà Nguyễn Thị Minh K phải nộp 300.000đồng án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Loan.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về quyền kháng cáo:

- Ý kiến của Hội thẩm Loan: Bà Nguyễn Thị Minh K và ông Nguyễn Văn D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ bản án

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Loan.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về áp dụng điều luật:

- Ý kiến của Hội thẩm Loan:

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39, 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 9; Điều 11; Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000;

- Áp dụng Điều 9, Điều 19; Điều 53, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84; khoản 1 Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Ý kiến của Hội thẩm Hòa: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Loan.

- Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Về nội dung tuyên xử:

- Ý kiến Hội Thẩm Hòa:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Minh K. Bà Nguyễn Thị Minh K được ly hôn với ông Nguyễn Văn D.

+ Về con chung: Giao cháu Nguyễn Đình V, sinh ngày 31/12/2012 cho bà Nguyễn Thị Minh K trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Ông Nguyễn Văn D cấp dưỡng nuôi con 2.000.000đ/1 tháng. Vì quyền lợi của con, ông D có quyền thăm non, chăm sóc con mà bà K không có quyền được cản trở, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi dưỡng cũng như cấp dưỡng nuôi con. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và cháu V đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

+ Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự đều xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra để xem xét giải quyết.

+ Về án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Minh K phải nộp 300.000đ án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0000326 ngày 10/03/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà K đã nộp đủ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn D phải nộp 300.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung.

+ Ý kiến của Hội thẩm Loan: nhất trí ý kiến với Hội thẩm Hòa.

+ Kết quả biểu quyết: 3/3 nhất trí.

Nghị án kết thúc vào hồi giờ phút ngày cùng ngày..

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trương Thị Thìn Nguyễn Trung Diễn

Đông Thị Hồng

